



**TAN CANG
LOGISTICS**

EFFECTIVE SUPPLY CHAIN SOLUTIONS

CTY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVN XD TÂN CẢNG

Đường Nguyễn Thị Định, P.Cát Lái, Quận 2, TP HCM

Mã số thuế : 0304875444

Tel : +(84 8) 37422 234

Fax : +(84 8) 37423 206

Website : <http://tancanglogistics.com.vn>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÍ II - NĂM 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ
- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	7-8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	9-37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý II năm 2012**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)			423.093.636.671	363.505.430.311
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110	V.01	64.440.006.559	75.284.893.022
1. Tiền	111		22.440.006.559	36.163.684.689
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.000.000.000	39.121.208.333
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120	V.02	9.900.000.000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.900.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		279.735.207.969	222.107.779.114
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	249.660.526.834	210.326.843.405
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	28.175.715.938	6.322.018.291
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	1.906.765.197	5.466.717.418
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.06	(7.800.000)	(7.800.000)
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		50.307.555.349	36.149.439.703
1. Hàng tồn kho	141	V.07	50.307.555.349	36.149.439.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		18.710.866.794	29.963.318.472
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	8.779.008.054	8.913.082.680
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.500.644.120	17.205.620.377
3. Thuế & các khoản phải thu nhà nước	154	V.09	38.160.855	1.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	5.393.053.765	3.843.615.415

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		510.788.177.002	539.756.164.571
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		366.786.232.280	397.985.169.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	363.508.393.939	397.412.415.855
- Nguyên giá	222		539.041.703.466	534.966.604.796
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(175.533.309.527)	(137.554.188.941)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	38.586.112	48.354.748
- Nguyên giá	228		58.611.816	58.611.816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20.025.704)	(10.257.068)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	3.239.252.229	524.399.253
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		98.127.595.520	90.054.317.255
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	42.337.687.520	37.264.409.255
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	60.199.480.000	57.199.480.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259	V.16	(4.409.572.000)	(4.409.572.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		45.874.349.202	51.716.677.460
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	44.094.349.202	49.305.080.917
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	-	631.596.543
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1.780.000.000	1.780.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		933.881.813.673	903.261.594.882

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		474.988.758.330	439.223.113.139
<u>I. Nợ ngắn hạn</u>	310		241.934.273.581	232.161.057.590
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	20.171.968.013	32.842.743.461
2. Phải trả cho người bán	312	V.21	120.887.030.887	114.409.198.171
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	732.600.184	400.909.382
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	21.500.428.092	38.809.416.500
5. Phải trả người lao động	315		18.342.072.575	20.343.035.409
6. Chi phí phải trả	316	V.24	43.770.732.929	10.299.481.479
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	7.834.867.898	5.343.414.631
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	8.694.573.003	9.712.858.557
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
<u>II. Nợ dài hạn</u>	330		233.054.484.749	207.062.055.549
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	1.870.000.000	970.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	230.163.429.377	204.991.629.661
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	1.021.055.372	1.100.225.888
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	V.30	407.193.270.596	413.685.583.735
<u>I. Vốn chủ sở hữu</u>	410		407.193.270.596	413.685.583.735
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		209.438.930.000	209.438.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.712.126.338	20.712.126.338
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		40.127.971	40.127.971
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		32.190.435.259	29.384.522.778
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.656.262.962	18.253.306.721
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		125.155.388.066	135.856.569.927
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ	439	V.31	51.699.784.747	50.352.898.008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		933.881.813.673	903.261.594.882

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu



Lê Việt Hải

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc

Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266.091.938.284	234.806.593.699	516.070.453.230	397.772.794.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	84.600.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266.091.938.284	234.806.593.699	515.985.853.230	397.772.794.649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	224.809.676.697	177.915.427.923	439.792.565.072	306.228.784.043
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.282.261.587	56.891.165.776	76.193.288.158	91.544.010.606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.552.338.463	499.332.319	4.222.708.935	2.941.002.015
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.204.877.752	4.041.886.229	9.751.175.670	5.194.346.480
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.191.448.785	1.101.855.733	9.704.870.722	2.210.960.715
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	535.915.944	956.847.925	1.066.043.607	1.302.320.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.412.863.435	7.694.689.376	17.280.374.877	14.678.795.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.680.942.919	44.697.074.565	52.318.402.939	73.309.550.437
11. Thu nhập khác	31	VI.7	534.617.484	1.172.602.007	594.684.388	1.242.464.063
12. Chi phí khác	32	VI.8	477.368.686	1.320.896.662	482.245.956	1.325.019.234
13. Lợi nhuận khác	40		57.248.798	(148.294.655)	112.438.432	(82.555.171)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		1.127.815.519	(439.354.819)	2.073.278.265	(891.306.795)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.866.007.236	44.109.425.091	54.504.119.636	72.335.688.471
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	6.657.062.628	13.023.909.240	12.464.624.249	19.736.795.664
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	52		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		631.596.543	-	631.596.543	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.577.348.065	31.085.515.851	41.407.898.844	52.598.892.807
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.620.536.997	5.341.666.432	6.314.705.367	8.731.617.835
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		17.956.811.069	25.743.849.419	35.093.193.477	43.867.274.972
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	857	1.377	1.676	2.346

Người lập biểu

Lê Việt Hải

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Thắm

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2012

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý II năm 2012**

Đơn vị tính : đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		54.504.119.636	72.335.688.471
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		37.963.622.442	20.302.175.503
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.189.130.472)	(2.700.888.162)
-	Chi phí lãi vay	06		9.704.870.722	2.210.960.715
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		95.983.482.328	92.147.936.527
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.918.846.366)	(47.104.881.890)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.158.115.646)	6.731.709.409
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		42.971.923.216	857.161.037
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.370.073.121	(7.961.713.832)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(8.724.871.044)	(2.450.960.715)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(30.351.556.829)	(26.548.737.124)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.283.753.719	4.262.853.940
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(11.066.828.978)	(12.202.772.469)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		66.389.013.521	7.730.594.883
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(41.797.119.559)	(18.910.186.524)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			1.036.363.637
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.900.000.000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.000.000.000)	(24.100.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	22.312.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.337.277.207	4.266.147.041
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(50.359.842.352)</i>	<i>(15.395.675.846)</i>
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25.171.799.716	10.422.372.264
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.670.775.448)	(7.726.850.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(333.333.280)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.415.081.900)	(36.619.172.400)
7.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	37		(1.960.000.000)	(4.926.625.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(26.874.057.632)</i>	<i>(39.183.608.416)</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.844.886.463)	(46.848.689.379)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	75.284.893.022	89.121.950.659
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	64.440.006.559	42.273.261.280

Lập ngày 14 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Việt Hải





Phạm Thị Hồng Thắm

Nguyễn Văn Uẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 Năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 Năm 2012 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ cảng biển
- Hoạt động kinh doanh chính** : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa. Dịch vụ logistics. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật). Dịch vụ cung cấp tàu biển. Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước./.

4. **Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một	Số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư trực tiếp			
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	30,2%	40%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Tân Cảng Bến Thành	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%
Các Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư gián tiếp			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỖ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng	Số 40, đường 41, khu phố 4, phường Thảo Điền, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	24,99%	49%
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẩn	1295B Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	18,36%	36%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, có 681 nhân viên đang làm việc tại Công ty (đầu năm nay là 599 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	6 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	4

8. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 60 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa cải tạo, văn phòng

Chi phí sửa chữa phương tiện đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc vẫn phải trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc. Do đó, từ năm 2011 trở về trước Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được tiếp tục trích vào chi phí theo chính sách đã nêu ở trên. Trong năm 2012, thực hiện Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 Công ty không trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	10%

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	86.492.429	324.867.061
Tiền gửi ngân hàng	22.353.514.130	35.838.817.628
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	42.000.000.000	39.121.208.333
Cộng	64.440.006.559	75.284.893.022

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về phí xếp dỡ Container	64.185.822.223	46.318.038.393
Về dịch vụ vận chuyển	96.650.612.951	90.817.090.138
Về dịch vụ depot	61.942.190.687	48.289.204.799
Về sửa chữa Container	3.751.614.345	4.407.677.356
Về hoạt động xây lắp	13.142.634.021	7.573.261.954
Về các dịch vụ khác	9.987.652.607	12.921.570.765
Cộng	249.660.526.834	210.326.843.405

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về sửa chữa, xây dựng cơ bản	256.458.701	
Về mua sắm tài sản cố định	26.730.590.090	3.582.683.913
Về hoạt động xây lắp	539.294.734	2.181.066.189
Về các dịch vụ khác	649.372.413	558.268.189
Cộng	28.175.715.938	6.322.018.291

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	412.248.953	3.937.248.953
Phải thu Bảo hiểm xã hội quận 2 tiền chế độ	120.798.070	120.798.070
Phải thu tiền do sự cố Sà Lan	15.523.900	15.474.000
Thuế GTGT chưa kê khai	4.500.000	2.479.227
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	303.575.000	
Các khoản chi hộ	733.505.205	1.225.392.475
Các khoản phải thu khác	316.614.069	165.324.693
Cộng	1.906.765.197	5.466.717.418

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Là khoản dự phòng phải thu Công ty Cổ phần Tập phẩm Sài Gòn.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.264.225.445	3.331.801.440
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	45.043.329.904	32.817.638.263
Cộng	50.307.555.349	36.149.439.703

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dịch vụ	22.750.629.149	6.635.924.560
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng	22.292.700.755	26.181.713.703
<i>Công trình Xây dựng Bãi Depot 10</i>	<i>20.616.588.888</i>	<i>20.616.588.888</i>
<i>Mở rộng đường nối ICD Tân Cảng Long Bình</i>	<i>3.416.206.948</i>	<i>3.416.206.948</i>
<i>Nâng cấp TER B và bãi của Xi nghiệp Cát Lái</i>	<i>1.676.111.867</i>	<i>1.676.111.867</i>
<i>Công trình đường nội bộ trục chính Bắc - Nam</i>	<i>472.806.000</i>	<i>472.806.000</i>
Cộng	45.043.329.904	32.817.638.263

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ phân bổ	948.562.657	1.511.246.408
Chi phí sửa chữa cầu cảng, bến bãi	307.081.063	510.174.790
Phí bảo hiểm, kiểm định xe cơ giới	215.640.177	347.337.499
Chi phí thuê nhà	2.976.212	20.833.484
Phí gia công băng chuyền	9.524.999	22.225.000
Chi phí thuê xe	262.088.235	292.348.641
Chi phí sửa chữa phương tiện cơ giới	6.984.085.711	6.208.916.858
Chi phí thường niên hiệp hội hàng hóa thế giới	49.049.000	
Cộng	8.779.008.054	8.913.082.680

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế môn bài nộp thừa		1.000.000
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	38.160.855	
Cộng	38.160.855	1.000.000

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	4.256.147.145	2.926.980.656
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.136.906.620	916.634.759
Cộng	5.393.053.765	3.843.615.415

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	38.964.931.340	397.994.259.092	95.545.591.205	2.077.439.113	384.384.046	534.966.604.796
Tăng do mua sắm trong kỳ		2.816.519.363		140.397.272	125.000.000	3.081.916.635
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành			993.182.035			993.182.035
Phân loại lại tài sản cố định			583.951.031	(583.951.031)		
Giảm do thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	38.964.931.340	400.810.778.455	97.122.724.271	1.633.885.354	509.384.046	539.041.703.466
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>		6.825.198.213	2.815.439.441	476.827.228		10.117.464.882
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.930.063.262	93.870.952.537	38.452.367.940	1.223.520.120	77.285.082	137.554.188.941
Khấu hao trong kỳ	3.719.831.371	23.858.994.891	10.138.179.524	192.597.103	69.517.697	37.979.120.586
Phân loại lại khấu hao tài sản cố định			412.517.471	(412.517.471)		
Số cuối kỳ	7.649.894.633	117.729.947.428	49.003.064.935	1.003.599.752	146.802.779	175.533.309.527
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	35.034.868.078	304.123.306.555	57.093.223.265	853.918.993	307.098.964	397.412.415.855
Số cuối kỳ	31.315.036.707	283.080.831.027	48.119.659.336	630.285.602	362.581.267	363.508.393.939

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 377.560.040.012 VND và 313.615.577.447 đã được thể
chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý fast	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	58.611.816	10.257.068	48.354.748
Tăng trong năm		9.768.636	
Giảm trong năm			9.768.636
Số cuối năm	58.611.816	20.025.704	38.586.112

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	136.363.456	5.356.634.088	3.081.916.635	2.411.080.909
XDCB dở dang	388.035.797	1.433.317.558	993.182.035	828.171.320
Công trình Dự án 50 ha huyện Tân Thành	217.054.243			217.054.243
Đường ống bảo vệ cáp quang	170.981.554	822.200.481	993.182.035	
Công trình Bãi Depot 10		611.117.077		611.117.077
Cộng	524.399.253	6.789.951.646	4.075.098.670	3.239.252.229

14. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	Vận tải đường thủy	30,2%	4.216.970.206	30,2%	3.994.128.966
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ cảng biển	36%	33.587.422.304	36%	29.770.823.099
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Vận chuyển đường bộ	24,99%	4.271.942.492	24,99%	3.244.241.730
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẫn ^(iv)	Vận chuyển đường bộ	18,36%	261.352.518	18,36%	255.215.460
Cộng			42.337.687.520		37.264.409.255

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 7.146.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress đủ 7.146.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành 54.000.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm 3.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 32.100.000.000 VND, tương đương 21,1% vốn điều lệ (số đầu năm là 29.100.000.000 VND, tương đương 19,4% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 21.900.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41103200063 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng 98.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng đủ 98.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310959597 ngày 30 tháng 6 năm 2011 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Sao May Mẫn 1.080.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẫn 200.000.000 VND, số vốn điều lệ còn phải đầu tư là 880.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Góp vốn vào			
	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Công ty liên kết trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	3.994.128.966		222.841.240	4.216.970.206
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành	29.770.823.099	3.000.000.000	816.599.205	33.587.422.304
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng	3.244.241.730		1.027.700.762	4.271.942.492
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẫn	255.215.460		6.137.058	261.352.518
Cộng	37.264.409.255	3.000.000.000	2.073.278.265	42.337.687.520

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		55.499.480.000		52.499.480.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	871.698	14.666.980.000	871.698	14.666.980.000
- Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Thới An Giang	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	1.125.000	11.812.500.000	1.125.000	11.812.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng Hải Tân Cảng ⁽ⁱ⁾	500.000	5.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Đầu tư hợp tác kinh doanh ⁽ⁱⁱ⁾		4.700.000.000		4.700.000.000
Cộng		60.199.480.000		57.199.480.000

⁽ⁱ⁾ Trong kỳ, Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng theo tiến độ góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(ii) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng cầu tàu, bến sà lan phục vụ cho hoạt động kinh doanh nâng hạ container với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng Bãi Depot 9	34.217.006.192		4.125.926.364	30.091.079.828
Chi phí xây dựng bãi Depot 10	289.408.141		29.760.792	259.647.349
Chi phí xây dựng bãi rửa xe bến 125	1.322.200.209		159.156.696	1.163.043.513
Chi phí sửa chữa tài sản	2.635.854.546		455.236.626	2.180.617.920
Chi phí xây dựng bến Gạo	6.163.504.393		845.409.252	5.318.095.141
Chi phí thuê phương tiện tài sản (*)	2.088.184.674		(41.238.984)	2.129.423.658
Chi phí thu xếp tín dụng của hợp đồng vay	1.861.170.665		166.672.002	1.694.498.663
Chi phí công cụ dụng cụ	95.964.986		26.585.994	69.378.992
Phí sửa chữa cải tạo văn phòng	484.456.052	779.148.828	179.562.593	1.084.042.287
Thi công trạm sửa chữa xe máy, thiết bị nội bộ	71.409.468		21.422.844	49.986.624
Phí gia công cont Văn phòng 20 feet tại Sadec	75.921.591		21.386.364	54.535.227
Cộng	49.305.080.917	779.148.828	5.989.880.543	44.094.349.202

(*) Giảm phí theo biên bản thỏa thuận trả lại tài sản đi thuê với Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí trích trước nhưng chưa có hóa đơn.

19. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ thuê kho bãi depot 05 của Công ty TNHH Hiệp Lực.

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	8.299.995.390	16.458.051.390
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	11.871.972.623	16.384.692.071
Cộng	20.171.968.013	32.842.743.461

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.842.743.461	13.785.855.280
Số tiền vay phát sinh		
Số tiền vay đã trả	(12.670.775.448)	(5.778.583.280)
Số cuối kỳ	20.171.968.013	8.007.272.000

21. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về phí thuê mặt bằng, kho bãi	1.816.670.870	1.744.664.370
Về chi phí bốc xếp, vận chuyển	21.802.456.015	6.049.095.014
Về chi phí nguyên vật liệu	65.026.672.726	50.779.229.099
Về hoạt động xây dựng	8.465.037.202	25.130.445.431
Về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	8.917.860.796	10.853.829.818
Phải trả người bán khác	14.858.333.278	19.851.934.439
Cộng	120.887.030.887	114.409.198.171

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Về dịch vụ tại depot 07	310.728.354	310.728.354
Về dịch vụ bến đóng gao	410.138.002	79.200.000
Về phí dịch vụ forwarder	10.651.588	10.651.588
Về phí dịch vụ ngoài khác	1.082.240	329.440
Cộng	732.600.184	400.909.382

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.320.695.689	4.268.493.368	2.958.805.178	5.630.383.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.535.926.514	12.464.624.249	30.351.556.829	15.648.993.934
Thuế thu nhập cá nhân	952.794.297	3.651.456.042	4.421.360.915	182.889.424
Các loại thuế khác	(1.000.000)	10.000.000	9.000.000	
Cộng	38.808.416.500	20.394.573.659	37.740.722.922	21.462.267.237

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	21.500.428.092	38.809.416.500
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	(38.160.855)	(1.000.000)
Số cuối kỳ	21.462.267.237	38.808.416.500

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.504.119.636	72.335.688.471
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(4.645.622.640)	1.910.320.751
- Các khoản chi phí không hợp lệ	200.606.385	885.810.913
- Lãi tính thuế năm 2010 phát sinh từ chênh lệch giá trị góp vốn và giá trị còn lại của tài sản công ty mẹ góp vốn vào Công ty con	1.633.828.374	1.633.828.374
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.160.000.000)	(1.541.873.855)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm trước	(31.170.892)	2.434.785.798
- Lãi từ Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ	(1.778.124.305)	(538.330.263)
- Các khoản chi phí chưa có hóa đơn năm 2011 đã có hóa đơn năm 2012	(2.526.386.172)	
- Điều chỉnh giảm các khoản phát sinh lãi lỗ chưa thực hiện trong tập đoàn	(984.376.030)	(963.900.216)
Thu nhập tính thuế	49.858.496.996	74.246.009.222
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	12.464.624.249	18.561.502.306
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		1.175.293.358
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.464.624.249	19.736.795.664

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	979.999.678	
Trích trước chi phí thuê phương tiện	3.000.164.590	
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.174.274.845	
Trích trước chi phí tư vấn quản lý	2.192.335.987	
Trích trước chi phí điện nước	467.408.967	
Chi phí hoạt động xây lắp	5.853.217.205	3.642.335.045

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ	18.631.273.384	6.657.146.434
Trích trước chi phí thuê kho bãi, văn phòng	170.958.182	
Trích trước chi phí Depot	2.659.034.333	
Chi phí vệ sinh container	1.817.619.982	
Trích trước chi phí dịch vụ khác	1.824.445.776	
Cộng	43.770.732.929	10.299.481.479

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoán	1.774.115.583	2.033.262.825
Bảo hiểm xã hội	445.691.130	406.124.896
Bảo hiểm y tế	108.067.586	97.899.536
Bảo hiểm thất nghiệp	18.687.004	6.811.532
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.438.760.700	704.835.200
Phải trả tiền đền bù thiệt hại của Sà Lan	23.143.500	207.295.694
Phải trả phải nộp khác	2.026.402.395	1.887.184.948
Cộng	7.834.867.898	5.343.414.631

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận (*)	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.985.346.179	1.972.158.922	36.000.000	1.883.015.500	5.110.489.601
Quỹ phúc lợi	3.939.371.371	1.972.158.922	1.000.000	2.532.446.891	3.380.083.402
Quỹ thưởng Ban điều hành	788.141.007	500.000.000		1.084.141.007	204.000.000
Cộng	9.712.858.557	4.444.317.844	37.000.000	5.499.603.398	8.694.573.003

(*) Chi tiết quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận trong kỳ, như sau:

	Số tiền
Trích lập từ lợi nhuận của Công ty mẹ	557.818.628
Trích lập từ lợi nhuận tại các Công ty con (phần lợi ích của Công ty mẹ)	580.586.734
Trích lập từ lợi nhuận của cổ đông thiểu số	3.305.912.482
Cộng	4.444.317.844

27. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận từ Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng đặt cọc 3 tháng tiền thuê kho bãi trong 5 năm theo Hợp đồng 012009/SSL-NFAC ngày 29/5/2009.

28. Vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	230.163.429.377	204.991.629.661
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	61.096.016.035	42.412.016.035
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	169.067.413.342	162.579.613.626
Cộng	230.163.429.377	204.991.629.661

⁽ⁱ⁾ Là các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 103.09/APU/TDH.97/180918.02, để xây dựng bến sà lan tại Cảng Tân Cảng - Cái Mép, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo bằng 03 chiếc xe nâng QC 23, 24, 25-40 có giá trị được xác định là 15.500.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 52.09/APU/ĐS.06/180918.02.
- Hợp đồng tín dụng số 134.09/APU/TDH.110/180918.05 ngày 12 tháng 11 năm 2009 để xây dựng bãi chứa container rộng số 2 và thanh toán mua 02 khung chụp bán tự động Stinis, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 82.09/APU/ĐS/180918.03 ngày 12 tháng 11 năm 2009.
- Hợp đồng tín dụng số 166.09/APU/TDH.134/180918.06 ngày 18 tháng 12 năm 2009 để xây dựng bãi chứa container rộng 8.000 m² và thanh toán mua phụ tùng cầu Liebherr, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 93.09/APU/ĐS/180918.04 ngày 18 tháng 12 năm 2009.
- Hợp đồng tín dụng số 269.10/APU/TDH.195/180918.01 ngày 07 tháng 09 năm 2010 để thanh toán cho dự án bến đóng gạo, thời hạn vay là 04 năm, tài sản đảm bảo là bến đóng gạo hình thành từ vốn vay và bằng tài sản cầu tàu, bằng tài sản, romooc có giá trị 1.750.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 156.10/APU/101.TCBĐS/180918.02 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 155.10/APU/ĐS.35/180918.01 ngày 07 tháng 09 năm 2010.
- Hợp đồng tín dụng số 273.10/APU/TDH.198/180918.02 ngày 29 tháng 09 năm 2010 để thanh toán mua xe nâng rồng cũ, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 160.10/APU/ĐS.36/180918.03 ngày 29 tháng 09 năm 2010.
- Hợp đồng tín dụng số 292.10/APU/TDH.210/180918.03 ngày 18 tháng 01 năm 2011 để thanh toán mua xe nâng mới, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 171.10/APU/ĐS.41/180918.04 ngày 18 tháng 01 năm 2011.
- Hợp đồng tín dụng số 81.11/APU/TDH.51/180918.03 ngày 06 tháng 07 năm 2011 để nâng cấp Depot 09 có diện tích 3,5ha thành bãi chứa hàng IMO với tài sản đảm bảo là quyền khai thác trên lô đất 3,5ha Depot 09.
- Hợp đồng tín dụng số 80.11/APU/TDH.50/180918.02 ngày 06 tháng 07 năm 2011 để xây dựng mới bãi chứa container rộng Depot 10 với tài sản đảm bảo là quyền khai thác lô đất Depot 10 theo hợp đồng thuê số 235/HĐ-GNVT tháng 03 năm 2011 giữa Công ty CP Giao nhận Vận Tải Xếp dỡ Tân Cảng với Tổng Công ty Tân Cảng Bến thành ngày 01 tháng 03 năm 2011 theo hợp đồng thế chấp số 56.11/APU/23.TCBĐS/180918.02 ngày 06 tháng 07 năm 2011.

⁽ⁱⁱ⁾ Là khoản vay ngoại tệ 2.166.660 USD của Ngân hàng Natixis để mua 2 cầu RTG 6+1 theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 06 năm 2010, thời hạn vay là 06 năm, tài sản đảm bảo 01 Cầu khung bánh lốp giá trị được xác định là 2.048.000 EUR theo hợp đồng thế chấp số MA-TCL-2010-07 ngày 28 tháng 06 năm 2010. Và khoản vay ngoại tệ 6.642.492,351 USD của Ngân hàng Natixis để mua 02 cầu Granty Cranes theo hợp đồng vay ngày 18 tháng 08 năm 2011, thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số MA-TCL-2011-01 ngày 18 tháng 08 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	20.171.968.013	8.007.272.000
Trên 1 năm đến 5 năm	230.163.429.377	56.522.344.024
Trên 5 năm		
Tổng nợ	250.335.397.390	64.529.616.024

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	204.991.629.661	48.381.571.760
Số tiền vay phát sinh	25.171.799.716	10.422.372.264
Số tiền vay đã trả		(2.281.600.000)
Số cuối kỳ	230.163.429.377	56.522.344.024

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.100.225.888	774.782.963
Số trích lập bổ sung		163.920.493
Số đã chi	(79.170.516)	(18.892.400)
Số cuối kỳ	1.021.055.372	919.811.056

30. Vốn chủ sở hữu**Cổ tức**

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức năm trước là 18% với số tiền là 37.699.007.400 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.943.893	20.943.893
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.943.893	20.943.893

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	209.438.930.000	20.712.126.338	40.127.971	29.384.522.778	18.253.306.721	135.856.569.927	413.685.583.735
Lợi nhuận trong kỳ						35.093.193.477	35.093.193.477
Trích lập các quỹ trong kỳ				2.805.912.481	1.402.956.241	(7.014.781.204)	(2.805.912.482)
Chia cổ tức năm 2011						(37.699.007.400)	(37.699.007.400)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty con						(500.000.000)	(500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con						(580.586.734)	(580.586.734)
Số dư cuối kỳ	209.438.930.000	20.712.126.338	40.127.971	32.190.435.259	19.656.262.962	125.155.388.066	407.193.270.596

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.352.898.008	41.367.781.686
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	6.314.705.367	8.731.617.835
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(4.410.000.000)	
Thù lao hội đồng quản trị		(112.373.333)
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	(557.818.628)	(1.160.205.278)
Số cuối kỳ	51.699.784.747	48.826.820.910

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	489.948.130.025	364.207.221.340
Doanh thu hoạt động xây lắp	26.122.323.205	33.565.573.309
Tổng doanh thu	516.070.453.230	397.772.794.649
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>84.600.000</i>	
Doanh thu thuần	515.985.853.230	397.772.794.649

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	413.891.180.083	273.127.222.191
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ⁽ⁱⁱ⁾	25.901.384.989	33.101.561.852
Cộng	439.792.565.072	306.228.784.043

(i) Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	37.151.438.285	29.200.741.356
Chi nhân công trực tiếp	44.171.008.483	34.533.940.873
Chi phí sản xuất chung	348.683.437.904	207.906.156.660
Tổng chi phí sản xuất	430.005.884.672	271.640.838.889
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(16.114.704.589)	1.486.383.302
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	413.891.180.083	273.127.222.191

(ii) Giá vốn của hoạt động xây lắp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	373.091.200	5.989.414.072
Chi nhân công trực tiếp		
Chi phí máy thi công		218.558.251
Chi phí sản xuất chung	21.639.280.841	21.710.737.589
Tổng chi phí sản xuất	22.012.372.041	27.918.709.912
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.889.012.948	5.182.851.940
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.901.384.989	33.101.561.852
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	2.997.305.608	1.219.605.186
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.160.000.000	1.541.873.855
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.403.327	179.522.974
Cộng	4.222.708.935	2.941.002.015
4. Chi phí tài chính		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.704.870.722	2.210.960.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.304.948	2.983.385.765
Cộng	9.751.175.670	5.194.346.480
5. Chi phí bán hàng		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng dịch vụ	462.696.000	450.246.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	556.462.194	785.964.602
Chi phí bằng tiền khác	46.885.413	66.109.091
Cộng	1.066.043.607	1.302.320.313
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.583.458.078	7.400.615.228
Chi phí vật liệu quản lý	446.502.047	934.337.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	990.941.382	279.539.305
Chi phí khấu hao TSCĐ	559.785.992	367.592.905
Thuế, phí và lệ phí	132.530.557	532.324.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.780.533.966	3.295.241.734
Chi phí bằng tiền khác	1.786.622.855	1.869.144.533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	17.280.374.877	14.678.795.391

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.036.363.637
Thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	491.043.273	
Phạt vi phạm hợp đồng	19.280.405	
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu	4.545.455	13.636.365
Thu phạt do tiêu hao nhiên liệu vượt quá định mức	74.691.967	143.441.885
Tòa án dân sự hoàn ứng tiền án phí		43.291.989
Các khoản thu nhập khác	5.123.288	5.730.187
Cộng	594.684.388	1.242.464.063

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý		1.096.954.516
Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ nhượng bán	472.806.000	
Thuởng do tiêu hao nhiên liệu tiết kiệm hơn định mức	4.785.951	6.498.900
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.963.605	219.825.311
Các khoản chi phí khác	1.690.400	1.740.507
Cộng	482.245.956	1.325.019.234

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.093.193.477	43.867.274.972
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.093.193.477	43.867.274.972
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.943.893	18.699.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.676	2.346

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.943.893	18.699.905
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
trong kỳ		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.943.893	18.699.905

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.458.541.015	63.884.673.190
Chi phí nhân công	52.811.417.256	42.491.858.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.963.622.442	21.266.075.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.969.132.431	166.147.851.439
Chi phí khác	23.161.962.053	21.750.205.537
Cộng	470.364.675.197	315.540.664.505

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vào Công ty con bằng tài sản		
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính		2.259.667.344
<i>Nguyên giá</i>		<i>4.519.334.928</i>
<i>Hao mòn lũy kế</i>		<i>(2.259.667.584)</i>
Cộng		2.259.667.344

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.041.608.840	1.484.035.267
Phụ cấp	82.731.000	110.220.000
Tiền thưởng	301.127.210	444.875.000
Cộng	1.425.467.050	2.039.130.267

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình	Công ty cùng tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tân Cảng	
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẩn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép	Công ty liên doanh của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty TNHH Một thành viên Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển, xếp dỡ, nâng hạ cho Công ty mẹ	215.325.325.170	182.878.839.840
Cung cấp dịch vụ sửa chữa Container và vận chuyển cho Công ty mẹ	39.252.269.041	6.934.492.516
Hoạt động xây lắp cho Công ty mẹ	26.122.323.205	23.889.323.718
Dịch vụ vận tải bằng Sà Lan cho Công ty mẹ	14.008.114.450	14.590.231.272
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ điện nước, thuê văn phòng	2.740.186.471	3.109.035.364
Cổ tức trả cho Công ty mẹ	19.226.592.000	19.073.903.100
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Cung cấp dịch vụ	13.486.364	47.407.273
Mua dịch vụ xếp dỡ	475.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	6.818.182	28.498.202
Mua vật tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	412.396.425	56.364.918
Phải trả phí vận hành Sà Lan	198.000.000	150.000.000
Phải trả tiền vật tư, dịch vụ sửa chữa	8.708.038.976	12.091.433.149
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình cung cấp hoạt động xây lắp		4.139.273.840
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép		
Cung cấp dịch vụ	528.477.454	1.165.367.728
Cung cấp dịch vụ xếp dỡ tàu, kéo gỡ dây Sà Lan	1.110.914.955	1.179.313.500

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾ DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ vận tải bằng Sà lan	45.495.137.077	48.674.049.533
<i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.011.472.238	7.060.900.769
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	341.542.739	139.219.887
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng thu phí dịch vụ	1.002.610.392	9.618.182
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.062.200.481	
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình</i>		
Phải trả phí dịch vụ	48.909.090	
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước</i>		
Phải trả phí dịch vụ	229.694.300	
<i>Công ty Cổ phần Tân cảng Cypress</i>		
Cung cấp dịch vụ khai thuê Hải quan		381.090.909
Phải trả về dịch vụ thuê vận chuyển	494.966.120	219.509.545
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành</i>		
Góp vốn vào Công ty liên kết	3.000.000.000	24.100.000.000
Phải thu cung cấp dịch vụ	3.686.534.446	
Phải trả cung cấp dịch vụ	24.526.245.844	
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.867.996.959	2.625.405.017
Nhận tiền đặt cọc	899.800.000	
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mẫn</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.633.131.479	
Phải trả cung cấp dịch vụ	20.022.727	
<i>Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép</i>		
Cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng Sà Lan	78.286.975.083	40.669.301.571

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	104.406.204.517	108.187.108.698
Phải thu tiền xây lắp	245.892.170	7.573.261.954
Phải thu về dịch vụ vận chuyển bằng Sà Lan	9.255.113.750	
<i>Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng</i>		
Ứng trước tiền xây dựng bến sà lan tại Đồng Tháp		925.707.946
<i>Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i>		
Phải thu về cung cấp vật tư, dịch vụ	1.380.000	2.185.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Phải thu về dịch vụ đã cung cấp	10.834.566	3.334.566

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	553.533.200	588.606.000
Phải thu phí kéo dờ dây tàu		
Phải thu về dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	36.495.137.077	32.971.593.270
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	1.850.797.575	1.499.435.025
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ		10.640.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng		
Phải thu tiền phí dịch vụ	798.183.994	854.015.474
Công ty Cổ phần Tiếp vận Sao May Mắn		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp	881.768.209	303.763.000
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng – Cái Mép		
Phải thu về dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	41.486.590.500	35.268.023.454
Cộng nợ phải thu	195.985.435.558	188.187.674.387
Công ty TNHH Một thành viên TCT Tân Cảng Sài Gòn		
Nhận ứng trước tiền xây dựng công trình	5.383.000.000	586.916.623
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	768.522.260	530.937.522
Phải trả tiền nhiên liệu		27.271.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa	4.083.046.007	6.439.117.746
Phải trả về dịch vụ sửa chữa xe nâng	453.636.068	
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Phải trả tiền xây lắp bãi Depot	49.076.247	2.005.576.739
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	711.051.300	222.688.950
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước		
Phải trả về dịch vụ bốc xếp vận chuyển	229.694.300	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Phải trả mua sắm thiết bị	297.221.026	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress		
Phải trả về dịch vụ được cung cấp	422.902.040	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng		
Phải trả tiền nhận ký cược ký quỹ thuê kho bãi	1.870.000.000	970.200.000
Phải trả tiền dịch vụ		4.389.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	11.431.298.590	6.587.478.529
Cộng nợ phải trả	25.699.447.838	17.374.576.609

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Người lập biểu



Lê Việt Hải

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Thắm

Giám đốc



Nguyễn Văn Uẩn